| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc** |

Bản án số: 85/2023/HC-PT
Ngày 22 tháng 02 năm 2023
V/v khiếu kiện quyết định hành chính.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Xuân Điền

*Các Thẩm phán*: Ông Nguyễn Hải Thanh
Bà Nguyễn Phương Hạnh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Văn Nhiễm, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 169/2022/TLPT-HC ngày 28 tháng 4 năm 2022 về việc "Khiếu kiện quyết Đ hành chính", do Bản án hành chính sơ thẩm số 60/2021/HC-ST ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 945/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

*1. Người khởi kiện:* Bà Đinh Thị Đ, sinh năm 1958; địa chỉ: thôn ĐM, xã L, huyện TN, thành phố H.

*Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:* Bà Đinh Thị B1, sinh năm 1969; địa chỉ: thôn ĐC, xã L, huyện TN, thành phố H (Giấy ủy quyền ngày 18/7/2022).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:* ông Nguyễn Văn Th và ông Bùi Xuân G, Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV BĐG thuộc Đoàn Luật sư thành phố H.

*2. Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện TN, thành phố H

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Đinh CQ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TN, thành phố H.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Đào Trọng Th, sinh năm 1985; đăng ký thường trú: thôn ĐM, xã L, huyện TN, thành phố H.

*Người đại diện theo ủy quyền của anh Đào Trọng Th:* Bà Đinh Thị Đ, sinh năm 1958; địa chỉ: thôn ĐM, xã L, huyện TN, thành phố H.

*4. Người kháng cáo:* Bà Đinh Thị Đ (là người khởi kiện).

*Tại phiên tòa phúc thẩm:* Bà Đinh Thị B1, ông Nguyễn Văn Th có mặt; người đại diện hợp pháp của UBND huyện TN có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*1. Theo đơn khởi kiện; các đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:*

Vợ chồng bà Đinh Thị Đ, ông Đào Trọng B tạo lập được tài sản chung là thửa đất số 22a, tờ bản đồ số 08 tại Thôn X xã TS, huyện TN, thành phố H. Ngày 11/12/2019, ông Đào Trọng B chết do tai nạn giao thông, các giấy tờ về đất ông B đều cất giữ nên bà Đ không tìm thấy.

Ngày 13/8/2019, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện TN ban hành Quyết định số 4153/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 4154/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư cải tạo đường Tỉnh lộ 359 đoạn từ cầu Bính đến thị trấn Núi Đèo; kèm theo là phương án bồi thường số 23/PA-TCT. Theo các quyết định thu hồi đất và phương án bồi thường thì hộ gia đình ông Đào Trọng B bị thu hồi 23m$^2$ đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 22a, tờ bản đồ số 08 tại Thôn X, xã TS, huyện TN, thành phố H, trong đó xác Đ 23m$^2$ đất bị thu hồi là đất hành lang giao thông và không được bồi thường về đất. Vật kiến trúc trên đất chỉ được bồi thường 30% giá trị là số tiền 47.966.636 đồng.

Bà Đ cho rằng các Quyết định 4153, 4154 và phương án bồi thường 23/PA-TCT xác định 23m$^2$ đất của gia đình bà là đất hành lang giao thông là không đúng vì 23m$^2$ đất của gia đình bà là đất thổ cư phải được bồi thường về đất theo giá đất thổ cư là 50.000.000 đồng/m$^2$ và bồi thường 100% giá trị vật kiến trúc trên đất. Ngoài ra, UBND huyện TN còn phải bồi thường số tiền phạt chậm chi trả tiền bồi thường cho hộ bà Đinh Thị Đ. Tạm tính đến ngày xét xử, UBND huyện TN còn phải bồi thường tổng số tiền là 1.656.485.000 đồng. Trong thời gian chung sống cùng ông B, bà có nghe ông B nói với bà về việc UBND huyện TN đã bồi thường cho ông B số tiền khi thực hiện dự án nhưng bà không hỏi và cũng không biết cụ thể đã được bồi thường bao nhiêu tiền. Các giấy tờ về nhà đất ông B đều quản lý, cất giữ, hiện bà không biết cụ thể thế nào. Vì vậy, bà Đ yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

- Hủy một phần các Quyết định số 4154/QĐ-UBND, Quyết định số 4153/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 và Phương án bồi thường số 23/PA-TCT của UBND huyện TN về việc thu hồi, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà

nước thu hồi đất đối với hộ ông Đào Trọng B.

- Buộc UBND huyện TN bồi thường cho gia đình bà Đinh Thị Đ tổng số tiền bồi thường về đất, vật kiến trúc và tiền phạt chậm chi trả bồi thường là 1.656.485.000 đồng.

*Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:*

Quyết định số 4153/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 4154/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ phương án bồi thường không được giao cho gia đình ông Đào Trọng B. Bà Đinh Thị Đ đã có đơn đề nghị UBND huyện TN bàn giao các văn bản nhưng không được trả lời. Như vậy là vi phạm Điều 69 Luật Đất đai 2013.

Không có tài liệu, văn bản nào xác định diện tích 23m$^2$ đất ở của ông Đào Trọng B và bà Đinh Thị Đ thuộc thửa đất số 22a, tờ bản đồ số 08 tại Thôn X, xã TS, huyện TN là đất hành lang giao thông và không được bồi thường. UBND huyện TN căn cứ vào trích lục nguồn gốc đất của UBND xã TS, Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh TN, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện TN để xác định là đất thuộc hành lang giao thông là không có căn cứ vì các cơ quan này không có thẩm quyền xác định mốc lộ giới hành lang giao thông. UBND huyện TN không chỉ ra được đã căn cứ hồ sơ, bản vẽ quy hoạch sử dụng đất, mốc lộ giới giao thông để làm đường Tỉnh lộ 359 từ thời điểm nào, của cơ quan nào để làm căn cứ tính toán về hành lang giao thông. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

*2. Ý kiến của người bị kiện UBND huyện TN:*

Hộ gia đình ông Đào Trọng B trú tại Thôn X xã TS là một trong những hộ dân sử dụng đất để xây dựng công trình trên đất trong chỉ giới thu hồi thực hiện Dự án cải tạo đường Tỉnh lộ 359 đoạn từ cầu Bính đến xã Trung Hà, huyện TN. Ngày 23/4/2019, Tổ công tác kiểm kê, giải phóng mặt bằng đã cùng với hộ ông Đào Trọng B tiến hành kiểm kê toàn bộ đất đai, tài sản trên diện tích 23m$^2$ đất thuộc phạm vi bảo vệ đường giao thông trong chỉ giới thu hồi thực hiện Dự án. Hộ ông Đào Trọng B (ông Phạm Văn Kh - đại diện) đã ký biên bản xác nhận.

Ngày 13/8/2019, UBND huyện TN đã ban hành Quyết định số 4154/QĐ-UBND, Quyết định số 4153/QĐ-UBND và Phương án bồi thường số 23/PA-TCT về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trong đó xác định thu hồi 23m$^2$ đất hộ ông Đào Trọng B là đất hành lang giao thông nên không được bồi thường về đất và chỉ được hỗ trợ 30% giá trị vật kiến trúc trên đất là 47.066.636 đồng. Ngày 15/8/2019, hộ gia đình ông B đã nhận tiền hỗ trợ và ký văn bản cam kết bàn giao mặt bằng vào ngày 20/8/2019.

Về nguồn gốc thửa đất theo như bà Đ trình bày là của ông Đào Trọng B là thửa đất nằm trong thửa đất số 1020, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính năm 1985 có diện tích 410m$^2$ ký hiệu "2L" (tức là đất "lúa"). Theo sổ mục kê năm 1985 thể hiện chủ sử dụng là Đội 2. Hiện nay, theo mảnh trích đo địa chính phục vụ công tác thu hồi, giải phóng mặt bằng thuộc thửa số 22a, tờ bản đồ số 08. UBND huyện

TN xác định diện tích 23m$^2$ bị thu hồi hiện nay là đất hành lang giao thông. Theo bản đồ thu hồi thì chỉ giới hành lang giao thông là 18,5m$^2$, khi thực hiện dự án mới thu hồi chỉ giới không quá 16m$^2$ đất hành lang giao thông, nghĩa là diện tích đất 23m$^2$ đất đã bị thu hồi là nằm trong hành lang giao thông, không phải đất của ông B hay của bất cứ cá nhân nào. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Đ là không có căn cứ chấp nhận.

*3. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 60/2021/HC-ST ngày 23 tháng 8 năm 2021, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:*

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Đ về việc:

- Hủy một phần Quyết định số 4154/QĐ-UBND, Quyết định số 4153/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 và Phương án bồi thường số 23/PA-TCT của UBND huyện TN về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ ông Đào Trọng B.

- Buộc UBND huyện TN bồi thường cho gia đình bà Đinh Thị Đ tổng số tiền bồi thường về đất, vật kiến trúc và tiền phạt chậm chi trả bồi thường là 1.656.485.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm miễn án phí hành chính sơ thẩm cho bà Đ và phổ biến quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

*4. Kháng cáo:*

Ngày 04/9/2021, người khởi kiện là bà Đinh Thị Đ có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm với nội dung cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập, chưa làm rõ đầy đủ chứng cứ về nguồn gốc đất, về bồi thường khi thu hồi đất; không đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Kh tham gia tố tụng; có dấu hiệu bao che cho hành vi sai trái của UBND huyện TN trong việc thu hồi, bồi thường về đất xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà.

*5. Tại phiên tòa phúc thẩm:*

5.1. Người đại diện hợp pháp của bà Đinh Thị Đ là bà Đinh Thị B1 giữ nguyên đơn khởi kiện, đơn kháng cáo và phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Đinh Thị Đ.

5.2. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo là Luật sư Nguyễn Văn Th phát biểu ý kiến:

Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập đầy đủ chứng cứ, chưa xác định đủ đương sự để đưa vào tham gia tố tụng. Bà Đ kháng cáo hoàn toàn có căn cứ, bởi vì: đối với diện tích 23m$^2$ đất bị thu hồi phải là diện tích đất ở. UBND huyện TN chỉ căn cứ vào trích lục nguồn gốc đất của UBND xã TS, của Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh huyện TN và của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện TN để xác định là đất hành lang an toàn giao thông là hoàn toàn không có căn cứ. Các tài liệu trong hồ sơ vụ án không có văn bản nào khẳng định diện tích 23m$^2$ đất bị thu hồi của hộ bà Đ là đất hành lang an toàn giao thông. UBND huyện TN không chỉ ra

được bản vẽ quy hoạch sử dụng đất, mốc lộ giới giao thông để làm đường Tỉnh lộ 359 từ thời điểm nào. Diện tích 23m$^2$ đất bị thu hồi nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đ, là diện tích đất không được xây dựng.

Theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai thì hộ gia đình bà Đ phải được nhận các quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, nhưng UBND huyện TN đã không bàn giao Quyết định số 4153/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 về việc thu hồi đất và Quyết định số 4153/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ là vi phạm quy định của pháp luật.

Toàn bộ diện tích đất bị thu hồi là đất ở, theo quy định của pháp luật thì bà Đ phải được bồi thường với tổng số tiền 1.656.485.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của người khởi kiện.

Thực tế gia đình bà Đ chưa nhận được tiền bồi thường nhưng UBND huyện TN đã chi trả tiền bồi thường cho ông Phạm Văn Kh, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Kh vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là thiếu sót, không đầy đủ.

Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

5.3. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Kháng cáo của bà Đ đúng có nội dung đầy đủ, nộp cho Tòa án bảo đảm thời hạn nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập đầy đủ, hợp lệ những người tham gia tố tụng đến phiên tòa nhưng có người có đơn xin xét xử vắng mặt, có người vắng mặt nhưng đã có người đại diện hợp pháp có mặt tham gia phiên tòa. Do đó, việc Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt một số người tham gia tố tụng là đúng quy định tại Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung:

Ngày 13/8/2019, Ủy ban nhân dân huyện TN ban hành Quyết định số 4153/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 4154/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 2 Điều 66 và Điều 69 của Luật Đất đai.

Bà Đ khai đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích đất và sử dụng ổn định từ trước năm 1990 nhưng bà Đ không xuất trình được các giấy tờ thể hiện nguồn gốc đất. Căn cứ vào các tài liệu như Trích lục nguồn gốc đất đai, Bản đồ 299 thì diện tích đất này là đất trồng lúa; thời điểm bị thu hồi thì diện tích đất này chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên diện tích 23m$^2$ đất này được xác định là đất hành lang an toàn giao thông là đúng quy định. Do đó, khi thu hồi đất thì gia đình bà Đ không được bồi thường về đất mà chỉ được hỗ trợ

công trình, vật kiến trúc trên đất. Bà Đ yêu cầu được bồi thường tổng số tiền 1.656.485.000 đồng là không có cơ sở.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, bác đơn kháng cáo của bà Đinh Thị Đ và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm định tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự; ý kiến của Kiểm sát viên và nghị án,

## NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

### 1. Về tố tụng:

Tại đơn kháng cáo của bà Đinh Thị Đ và ý kiến của Luật sư Nguyễn Văn Th phát biểu tại phiên tòa cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm tố tụng vì đã không đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn Kh tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông Phạm Văn Kh chỉ là người được ông Đào Trọng B ủy quyền về việc thay mặt ông B chứng kiến việc kiểm đếm khi thu hồi đất và nhận tiền bồi thường, hỗ trợ sau khi đã được UBND huyện TN ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất. Như vậy, ông Kh chỉ phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với ông B về nội dung được ủy quyền nêu trên chứ không có quyền lợi hoặc nghĩa vụ gì trong vụ án này, không thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 58 của Luật Tố tụng hành chính. Do đó, ý kiến của bà Đ và của Luật sư nêu trên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

### 2. Về nội dung:

[1] Về việc xác định nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng diện tích đất có khiếu kiện:

[1.1] Theo lời trình bày của bà Đinh Thị Đ thì bà và ông Đào Trọng B kết hôn vào năm 1977, quá trình chung sống ông B có mua của ông Đào Văn Đn 60m$^2$ đất hiện nay bà đang khiếu kiện nhưng bà không nhớ mua năm nào và do ông B bị tai nạn giao thông chết đột ngột nên bà không có tài liệu, chứng cứ gì về quyền sử dụng thửa đất; vợ chồng ông bà cũng chưa có thời gian nào sử dụng thửa đất trên. Theo bà Đ được biết thì trước khi ông B chết, Nhà nước đã thu hồi một phần diện tích đất và ông B đã nhận tiền bồi thường nhưng bà không biết cụ thể số tiền ông B nhận là bao nhiêu.

[1.2] Xem xét các tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp có trong hồ sơ vụ án thì thấy: Theo danh sách các hộ được cấp đất ở từ năm 1993 đến năm 1999 và sơ đồ sử dụng đất của các hộ được UBND xã giao trái thẩm quyền thì hộ ông Đào Văn Đn được giao đất ở vị trí lô số 18, tờ bản đồ số 02, có diện tích 60m$^2$ cách tim đường 26m (tương ứng vị trí thửa số 22 tờ bản đồ số 08 Mảnh trích đo địa chính thu hồi đất). Theo Mảnh trích đo địa chính thu hồi đất thì khoảng cách

tính từ tim đường đến hết mốc giải phóng mặt bằng là 16m. Đối chiếu với bản đồ lập theo Chỉ thị 299/TTg và sổ mục kê lập năm 1985 thì vị trí 23m$^2$ đất do ông Đào Trọng B sử dụng bị thu hồi thuộc thửa số 1020, tờ bản đồ số 02, loại đất "2L", chủ sử dụng "Đội 2". Căn cứ vào các tài liệu nêu trên và quy định tại Nghị định số 203-HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng về việc ban hành Điều lệ bảo vệ đường bộ, phía người bị kiện xác định toàn bộ 23m$^2$ đất thu hồi để phục vụ dự án thuộc phạm vi đất hành lang giao thông là đúng với nguồn gốc và quy định của pháp luật.

[2] Về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất:

Thực hiện Dự án cải tạo đường Tỉnh lộ 359 đoạn từ cầu Bính đến thị trấn Núi Đèo, đoạn qua xã TS, huyện TN (đợt 1), ngày 23/4/2019 Tổ công tác kiểm kê, giải phóng mặt bằng đã cùng với hộ ông Đào Trọng B (do ông Phạm Văn Kh được ủy quyền làm đại diện) tiến hành kiểm kê toàn bộ đất đai, tài sản trên diện tích 23m$^2$ đất thuộc phạm vi bảo vệ đường giao thông trong chỉ giới thu hồi thực hiện Dự án. Căn cứ vào Biên bản kiểm kê ngày 23/4/2019 đối với hộ ông Đào Trọng B nêu trên (có chữ ký và điểm chỉ của ông Phạm Văn Kh ở phần Đại diện hộ gia đình) và tài liệu quản lý đất đai tại địa phương, ngày 13/8/2019 UBND huyện TN đã ban hành: Quyết định số 4153/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, Quyết định số 4154/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường kèm theo Phương án bồi thường số 23/PA-TCT; trong đó xác định 23m$^2$ đất ông Đào Trọng B sử dụng là đất hành lang giao thông, không được bồi thường về đất, ông Đào Trọng B được hỗ trợ 30% mức giá đối với vật kiến trúc trên đất (gồm công san lấp, tạo lập và 01 trụ cổng do ông B xây dựng) với tổng số tiền là 47.066.636 đồng. Ngày 15/8/2019, UBND huyện TN đã chi trả cho ông Phạm Văn Kh (là người được ông Đào Trọng B ủy quyền) nhận toàn bộ số tiền bồi thường nêu trên; sau khi nhận tiền, ông Kh đã giao trả lại toàn bộ cho ông B.

Như vậy, việc bà Đ cho rằng 23m$^2$ đất thu hồi là của gia đình bà và là đất thổ cư là không có cơ sở, bởi vì bà Đ đã thừa nhận thửa đất có liên quan đến khiếu kiện chưa được cấp GCNQSD đất, bà Đ cũng không có bất kỳ một tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh diện tích đất của gia đình bà là đất ở được sử dụng hợp pháp. Ngược lại, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp và Tòa án thu thập được thì chỉ có cơ sở xác định 23m$^2$ đất do hộ ông Đào Trọng B sử dụng là đất hành lang giao thông do Nhà nước quản lý. Vì vậy khi thu hồi đất, UBND huyện TN không bồi thường về đất mà hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc trên đất cho hộ ông B là đúng quy định của pháp luật.

Đối với việc UBND huyện TN không giao thông báo thu hồi đất đến người có đất thu hồi là chưa bảo đảm đúng thủ tục quy định tại điểm a khoản 1 Điều 69 của Luật Đất đai. Tuy vậy trong thời gian trước khi thu hồi đất, đại diện Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện TN phối hợp với UBND xã TS đã thực hiện việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức họp phổ biến đến các hộ dân trong khu vực có đất thu hồi và được các hộ dân trong đó có hộ ông B đồng thuận.

Khi thực hiện việc kiểm đếm, hộ ông B đã có ông Kh là người được ủy quyền đại diện ký Biên bản xác nhận khối lượng kiểm kê ngày 23/4/2019; sau khi UBND huyện TN ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất, ông Kh đã nhận đầy đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng cho cơ quan thực hiện dự án. Từ đó có đủ căn cứ xác định các quyết định hành chính mà bà Đ có khiếu kiện đều bảo đảm đúng quy định của pháp luật, không xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của gia đình bà Đ.

[3] Tổng hợp toàn bộ những kết quả phân tích ở trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đầy đủ tư cách các đương sự; thu thập, xem xét, đánh giá đầy đủ các chứng cứ, tài liệu và đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện bà Đinh Thị Đ về việc hủy các quyết định hành chính; từ đó, không chấp nhận yêu cầu của bà Đ về việc buộc UBND huyện TN bồi thường về đất, vật kiến trúc và tiền phạt chậm chi trả bồi thường đối với diện tích đất bị thu hồi là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Bà Đ kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Đ không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ hoặc đưa ra lý do nào mới, phù hợp với quy định của pháp luật; Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến kết luận kháng cáo của bà Đ là không có căn cứ, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Đinh Thị Đ.

**3. Về án phí:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 và khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, bà Đinh Thị Đ có kháng cáo không được chấp nhận nhưng là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Đ.

*Vì các lẽ trên*,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Bác kháng cáo của bà Đinh Thị Đ; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 60/2021/HC-ST ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Đinh Thị Đ được miễn không phải nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 22/02/2023.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Xuân Điền**